

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI
NGOẠI THƯƠNG
Số: 172018/TB-VNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà nội, ngày 22 tháng 08 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics)

Mã chứng khoán: VNT

Trụ sở chính : Số 2 Bích Câu, P.Quốc Tử Giám, Q.Đống Đa, TP.Hà nội

Điện thoại : (84-24) 37321090

Fax : (84-24) 37321083

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trương Thị Nhung

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3732 1090 – Số máy lẻ 203

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 đã được soát xét và Giải trình biến động kết quả kinh doanh công ty mẹ 06 tháng đầu năm 2018.

Đồng thời Công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/08/2018 theo đường dẫn: <http://vntlogistics.com/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm/

-BCSX số 19.147/BCSX-RSM HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI
NGOẠI THƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Công Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018



MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 30

7/85
B T
KH
9 & T
TN
0

S. D. N.
G
C
Đ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Lương Ngọc Bảo	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Bùi Ngọc Loan	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trương Thị Nhung	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Nguyễn Quốc Thiên Kim	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Bà Dương Minh Châu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Nguyễn Xuân Giang	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2018

Số: 19.147/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương, được lập ngày 22 tháng 08 năm 2018, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		289.264.244.061	441.616.839.487
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	22.347.220.563	18.422.641.625
1. Tiền	111		22.347.220.563	13.910.650.674
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.511.990.951
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.525.000.000	9.525.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	9.525.000.000	9.525.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		257.392.023.498	413.506.735.172
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	88.813.988.728	115.281.511.648
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	31.633.709.144	25.111.404.230
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	138.494.637.048	274.178.753.434
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.550.311.422)	(1.564.934.140)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	162.462.690
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	162.462.690
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		231.203.781.756	225.907.710.045
I. Tài sản cố định	220		53.907.228.637	56.873.989.907
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	52.611.087.972	55.476.358.426
Nguyên giá	222		103.538.119.058	102.694.059.967
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.927.031.086)	(47.217.701.541)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.296.140.665	1.397.631.481
Nguyên giá	228		3.398.338.786	3.398.338.786
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.102.198.121)	(2.000.707.305)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		185.159.200	69.339.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		185.159.200	69.339.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	176.818.200.000	168.818.200.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		150.780.000.000	150.780.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14.038.200.000	6.038.200.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		293.193.919	146.181.138
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		293.193.919	146.181.138
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		520.468.025.817	667.524.549.532

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		378.481.862.233	516.394.005.678
I. Nợ ngắn hạn	310		306.271.411.147	444.222.327.385
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	127.866.661.876	121.077.788.739
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		627.274.104	652.068.635
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.838.128.813	7.511.097.666
4. Phải trả người lao động	314		-	1.495.596
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	4.058.871.470	2.028.900.225
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	5.024.225.850	4.024.604.637
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	166.856.249.034	308.926.371.887
II. Nợ dài hạn	330		72.210.451.086	72.171.678.293
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.13	316.656.000	435.408.000
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	4.14	71.893.795.086	71.736.270.293
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		141.986.163.584	151.130.543.854
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	141.986.163.584	151.130.543.854
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.114.050.000	85.852.900.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.114.050.000	85.852.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.379.300.000	2.379.300.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		541.094.511	585.526.956
4. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.400.293.842	9.400.293.842
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.000.000.000	9.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.368.633.313	44.729.731.138
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		29.726.849.116	17.176.358.458
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		641.784.197	27.553.372.680
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		520.468.025.817	667.524.549.532



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2018

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNGĐịa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.17	285.268.382.370	232.036.368.414
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		285.268.382.370	232.036.368.414
3. Giá vốn hàng bán	11	4.18	264.694.561.280	213.587.313.316
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.573.821.090	18.449.055.098
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.19	4.123.587.960	1.533.514.352
6. Chi phí tài chính	22	4.20	14.119.652.283	8.685.909.643
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.685.058.170</i>	<i>8.240.072.478</i>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.21	9.898.697.634	10.151.272.238
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		679.059.133	1.145.387.569
9. Thu nhập khác	31		93.724.865	87.453.292
10. Chi phí khác	32		33.994.704	164.857.594
11. Lợi nhuận khác	40		59.730.161	(77.404.302)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		738.789.294	1.067.983.267
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.23	97.005.097	644.457.346
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		641.784.197	423.525.921



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2018

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		738.789.294	1.067.983.267
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.22	3.810.820.361	4.109.070.656
Các khoản dự phòng	03		(14.622.718)	(16.709.738)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.20	134.624.702	15.959.453
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.674.033.324)	(790.424.327)
Chi phí lãi vay	06	4.20	13.685.058.170	8.240.072.478
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
3. trước những thay đổi vốn lưu động	08		14.680.636.485	12.625.951.789
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		22.117.172.082	(88.161.654.543)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.061.539.922	52.916.274.216
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(147.012.781)	200.911.488
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.299.154.060)	(4.682.363.691)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(6.330.216.189)	(1.070.135.724)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(731.477.780)	(3.391.111.112)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.351.487.679	(31.562.127.577)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và				
1. các tài sản dài hạn khác	21		(959.879.291)	(568.561.909)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.000.000.000)	(100.000.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		134.200.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.674.033.324	790.424.327
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		128.914.154.033	(99.778.137.582)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp				
1. của chủ sở hữu	31	4.15.1	4.261.150.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.24	281.191.850.810	308.716.505.039
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.25	(423.380.725.663)	(191.233.422.733)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.429.732.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(151.357.457.353)	117.483.082.306
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		3.908.184.359	(13.857.182.853)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.422.641.625	27.812.447.308
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		16.394.579	799.703
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		22.347.220.563	13.956.064.158



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2018

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2018.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009 Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất là 90.114.050.000 VND. Đây cũng là vốn thực góp của các nhà đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	19.800.000.000	21,97	19.800.000.000	23,06
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans)	Việt Nam	9.000.000.000	9,99	9.000.000.000	10,48
Các đối tượng khác		61.314.050.000	68,04	57.052.900.000	66,46
Cộng		90.114.050.000	100	85.852.900.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 268 (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 272).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Giao nhận, tiếp vận.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - + Đại lý tàu biển;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
 - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
 - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
 - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
- Kinh doanh dịch vụ bưu chính trong nước và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát trong nước và quốc tế.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2017.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	619.784.515	2.080.068.312
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.727.436.048	11.830.582.362
Các khoản tương đương tiền	-	4.511.990.951
Cộng	22.347.220.563	18.422.641.625

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink	6.900.000.000	9.099.720.000	-	6.900.000.000	9.908.584.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	2.625.000.000	9.660.000.000	-	2.625.000.000	9.625.000.000	-
Cộng	9.525.000.000	18.759.720.000	-	9.525.000.000	19.533.584.000	-

(*) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành	12.000.000.000	(**)	-	12.000.000.000	(**)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

Công ty Cổ phần Cảng Mipec	150.780.000.000	(**)	-	150.780.000.000	(**)	-
----------------------------	-----------------	------	---	-----------------	------	---

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam	2.260.000.000	(**)	-	2.260.000.000	(**)	-
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	11.778.200.000	(**)	-	3.778.200.000	(**)	-

Cộng

14.038.200.000

-

6.038.200.000

-

(**) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu từ khách hàng	88.804.879.393	115.278.044.280
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 4.26	9.109.335	3.467.368
Cộng	88.813.988.728	115.281.511.648

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán:		
Regional Container Lines Public Company	4.122.912.473	4.532.293.172
Các nhà cung cấp khác	1.524.728.486	1.475.838.894
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – xem thêm mục 4.26	25.986.068.185	19.103.272.164
Cộng	31.633.709.144	25.111.404.230

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Cảng Mipec cho Công ty TNHH MTV đầu tư SCIC	4.050.000.000	-	138.250.000.000	-
Phải thu do trả hộ bà Nguyễn Thị Thanh Hương mua cổ phần Công ty CP Cảng Mipec	50.786.000.000	-	50.786.000.000	-
Ký quỹ (*)	67.472.762.200	-	71.000.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	11.166.147.254	-	11.184.555.803	-
Phải thu khác	4.005.193.020	-	1.922.878.657	-
Tạm ứng cho bên liên quan – xem thêm mục 4.26	1.014.534.574	-	1.035.318.974	-
Cộng	138.494.637.048	-	274.178.753.434	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(*) Trong đó, chi tiết các khoản ký quỹ như sau:

- + Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Sở giao dịch 1 để bảo lãnh phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Công ty Mitsui Wharf với số tiền 21.050.562.200 VND – Xem thêm mục 4.14.
- + Ký quỹ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền 10.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.13.
- + Ký quỹ cho Công ty CP Vietjet Air với số tiền 1.598.800.000 VND để đảm bảo thanh toán.
- + Ký quỹ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân với số tiền 21.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.13.
- + Ký quỹ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Duyên Hải với số tiền 3.100.000.000 VND – Xem thêm mục 4.13.
- + Ký quỹ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền 6.800.000.000 VND và 145.000 USD (tương đương 3.323.400.000 VND) – Xem thêm mục 4.13.
- + Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hải Phòng để mua xăng dầu phục vụ hoạt động kinh doanh với số tiền 600.000.000 VND.

(Xem trang tiếp theo)

1382
NG
CỔ PHẦN
HẬN V
I THU
ĐA-T

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.923.414.545	373.103.123	2.173.490.691	608.556.551

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	1.115.620.730	-
Các khách hàng khác	807.793.815	373.103.123	1.057.869.961	608.556.551
Cộng	1.923.414.545	373.103.123	2.173.490.691	608.556.551

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2018	52.238.473.439	9.952.777.096	38.951.707.255	751.732.177	799.370.000	102.694.059.967
Mua trong kỳ	-	813.759.091	-	30.300.000	-	844.059.091
Tại ngày 30/06/2018	52.238.473.439	10.766.536.187	38.951.707.255	782.032.177	799.370.000	103.538.119.058
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2018	11.288.617.416	4.549.750.204	30.074.999.848	593.779.656	710.554.417	47.217.701.541
Khấu hao trong kỳ	1.456.641.150	465.947.901	1.694.184.915	19.575.883	72.979.696	3.709.329.545
Tại ngày 30/06/2018	12.745.258.566	5.015.698.105	31.769.184.763	613.355.539	783.534.113	50.927.031.086
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2018	40.949.856.023	5.403.026.892	8.876.707.407	157.952.521	88.815.583	55.476.358.426
Tại ngày 30/06/2018	39.493.214.873	5.750.838.082	7.182.522.492	168.676.638	15.835.887	52.611.087.972

Giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 của TSCĐ hữu hình đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay là 950.353.514 VND – Xem thêm mục 4.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 18.358.161.123 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2018	2.642.410.677	755.928.109	3.398.338.786
Tại ngày 30/06/2018	2.642.410.677	755.928.109	3.398.338.786
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2018	1.416.553.698	584.153.607	2.000.707.305
Khấu hao trong kỳ	62.426.070	39.064.746	101.490.816
Tại ngày 30/06/2018	1.478.979.768	623.218.353	2.102.198.121
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2018	1.225.856.979	171.774.502	1.397.631.481
Tại ngày 30/06/2018	1.163.430.909	132.709.756	1.296.140.665

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 445.903.109 VND.

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Regional Container Lines Public Co.,	65.605.293.887	65.605.293.887	41.438.862.639	41.438.862.639
Phải trả cho các đối tượng khác	51.822.879.157	51.822.879.157	73.784.743.454	73.784.743.454
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.26	10.438.488.832	10.438.488.832	5.854.182.646	5.854.182.646
Cộng	127.866.661.876	127.866.661.876	121.077.788.739	121.077.788.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.10. Thuế và các khoản phải thu / phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2018		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	729.597.037	6.052.402.657	5.299.157.949	162.462.690	138.815.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	97.005.097	6.330.216.189	-	6.233.211.092
Thuế thu nhập cá nhân	-	193.913.189	2.841.478.704	3.135.184.197	-	487.618.682
Các loại thuế khác	-	914.618.587	5.590.635.075	5.327.469.361	-	651.452.873
Cộng	-	1.838.128.813	14.581.521.533	20.092.027.696	162.462.690	7.511.097.666

4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi trái phiếu	4.050.123.288	1.664.219.178
Các khoản chi phí phải trả khác	8.748.182	364.681.047
Cộng	4.058.871.470	2.028.900.225

4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Nhận tiền đặt cọc thuế Container lạnh	4.657.713.877	3.944.713.877
Các khoản phải trả, phải nộp khác	366.511.973	79.890.760
Cộng	5.024.225.850	4.024.604.637

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	166.856.249.034	166.856.249.034	281.191.850.810	343.261.973.663	228.926.371.887	228.926.371.887
Trái phiếu thường	-	-	-	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Vay dài hạn	316.656.000	316.656.000	-	118.752.000	435.408.000	435.408.000
Cộng	167.172.905.034	167.172.905.034	281.191.850.810	423.380.725.663	309.361.779.887	309.361.779.887

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất (năm)	Tại ngày	Tại ngày
				30/06/2018	01/01/2018
				VND	VND
Vay ngắn hạn:					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thanh Xuân	VND	100.000.000.000	7,5%	87.330.217.753	87.699.166.745 (a)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – CN Hải Phòng	VND	60.000.000.000	7,5% - 9,6%	36.653.964.142	54.351.683.278 (b)
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	VND		8,5% - 9%	-	39.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – CN Nam Hà Nội	VND	25.000.000.000	8%	24.798.307.991	24.518.475.400 (c)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – CN Duyên Hải	VND	15.000.000.000	7,2% - 7,5%	14.942.206.506	14.957.027.721 (d)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển TP Hồ Chí Minh – CN Hải Phòng	VND	10.000.000.000	9,5%	2.894.048.642	8.162.514.743 (e)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – CN Hải Phòng	VND		8,5%	237.504.000	237.504.000 (f)
Trái phiếu thường			7,5%	-	80.000.000.000
Cộng				166.856.249.034	308.926.371.887
Vay dài hạn:					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – CN Hải Phòng	VND		8,5%	316.656.000	435.408.000 (f)
Tổng cộng				167.172.905.034	309.361.779.887

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thông tin về các tài sản đảm bảo, cầm cố, thế chấp cho các khoản vay trên như sau:

- (a) Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng và 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân với số tiền 21.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.5.
- (b) Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền 6.800.000.000 VND và 145.000 USD (tương đương 3.323.400.000 VND) – Xem thêm mục 4.5; và số tiết kiệm số 478600 ngày 15 tháng 01 năm 2015 và số 502805 ngày 10 tháng 06 năm 2015 của ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty với mệnh giá lần lượt là 90.000 USD (tương đương 2.043.000.000 VND) và 2.500.000.000 VND – Xem thêm mục 4.26. Hạn mức còn lại được vay tin chấp.
- (c) Khoản vay được bảo đảm một phần bằng khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền 10.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.5.
- (d) Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng tại Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Duyên Hải với số tiền 3.100.000.000 VND – Xem thêm mục 4.5; và số tiết kiệm số 230940469 kỳ hạn 1 tháng với số tiền 86.700 USD thuộc sở hữu của ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty – Xem thêm mục 4.26.
- (e) là các khoản vay tin chấp.
- (f) Khoản vay được đảm bảo bằng 2 xe ô tô đầu kéo biến kiểm soát lần lượt là 15C-229.71 và 15C-229.63, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe đầu kéo – Xem thêm mục 4.7.

Trái phiếu thường được chi tiết như sau:

Tại ngày 30/06/2018
VND

Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
-	-	-	80.000.000.000	7,5%/năm	12 tháng

Trái phiếu phát hành:

Loại phát hành theo mệnh giá

Trái phiếu thường phát hành cho Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam vào ngày 02 tháng 06 năm 2017 và đáo hạn vào ngày 01 tháng 06 năm 2018.

Tại ngày 01/01/2018
VND

Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
-	-	-	80.000.000.000	7,5%/năm	12 tháng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ như sau:

- Trái phiếu chuyển đổi của Công ty phát hành tại ngày 26 tháng 10 năm 2016 có thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Số lượng trái phiếu chuyển đổi: 720.000 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND;
- Lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi: trái phiếu phát hành cho Công ty Misui Wharf Co., Ltd có lãi suất 8%/năm và trái phiếu phát hành cho Công ty TNHH MTV SCIC có lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ dao động 2%; áp dụng trong kỳ kế toán này là 8,75%/năm;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi: Tại thời điểm đáo hạn, mỗi trái phiếu sẽ được đổi thành 4 cổ phần;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi là: 8,7%/năm;
- Giá trị phần nợ gốc tại thời điểm đầu kỳ là 71.736.270.293 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 585.526.956 VND;
- Giá trị phần nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 71.893.795.086 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 541.094.511 VND.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty đã ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sở giao dịch 1 để bảo lãnh phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Công ty Mitsui Wharf với số tiền 21.050.562.200 VND – Xem thêm mục 4.5.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY V GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Số dư tại ngày 01/01/2017	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	817.208.082	45.208.099.204	133.208.618.078
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	423.525.921	423.525.921
Tăng lãi do tăng chi phí lãi vay vốn hóa theo biên bản thanh tra Thuế	-	-	-	-	2.184.999.112	2.184.999.112
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.391.111.112)	(3.391.111.112)
Số dư tại ngày 30/06/2017	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	817.208.082	44.425.513.125	132.426.031.999
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	27.702.068.526	27.702.068.526
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(467.666.671)	(467.666.671)
Chia cổ tức đợt 2/2016	-	-	-	-	(8.529.890.000)	(8.529.890.000)
Số dư tại ngày 01/01/2018	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	817.208.082	63.130.024.980	151.130.543.854
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm nay (*)	4.261.150.000	-	-	-	-	4.261.150.000
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	641.784.197	641.784.197
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(568.874.522)	(568.874.522)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(13.434.007.500)	(13.434.007.500)
Điều chỉnh khác	-	-	(44.432.445)	-	-	(44.432.445)
Số dư tại ngày 30/06/2018	90.114.050.000	2.379.300.000	541.094.511	(817.208.082)	49.768.927.155	141.986.163.584

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017 ngày 15 tháng 04 năm 2017 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Tổng số cổ phần phát hành thêm là 426.115 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, tương đương tổng giá trị phát hành là 4.261.150.000 đồng. Vào ngày 06 tháng 02 năm 2018, Công ty đã nhận được Công văn số 937/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được báo cáo phát hành cổ phiếu này của Công ty. Nguồn vốn tăng thêm này được sử dụng vào việc tăng vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Vinafreight	19.800.000.000	19.800.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans)	9.000.000.000	9.000.000.000
Các đối tượng khác	61.314.050.000	57.052.900.000
Cộng	90.114.050.000	85.852.900.000

4.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	85.852.900.000	85.852.900.000
Vốn góp tăng trong kỳ	4.261.150.000	-
Vốn góp tại ngày 30/06	90.114.050.000	85.852.900.000

4.15.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.011.405	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.011.405	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.956.005	8.529.890

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.15.5. Cổ tức

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức trả trên mỗi cổ phần của cổ phiếu phổ thông	1.500	1.000

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
Ngoại tệ các loại:		
USD	401.966,75	153.880,83
EUR	680,86	1.173,19
SGD	257,02	680,86

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cước vận chuyển quốc tế	234.489.276.482	147.338.327.991
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	50.779.105.888	84.698.040.423
Cộng	285.268.382.370	232.036.368.414
Trong đó, doanh thu với bên liên quan – Xem thêm mục 4.26	10.832.399.540	11.016.972.754

4.18. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	19.941.643.514	9.241.615.770
Chi phí công dụng cụ	145.880.272	208.256.010
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.260.983.612	3.553.240.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.437.909.084	184.458.393.448
Chi phí bằng tiền khác	5.908.144.798	6.125.807.234
Cộng	264.694.561.280	213.587.313.316

4.19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	449.554.636	743.090.025
Cổ tức, lợi nhuận được chia	404.432.000	579.432.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.269.601.324	210.992.327
Cộng	4.123.587.960	1.533.514.352

4.20. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	13.685.058.170	8.240.072.478
Lỗ chênh lệch tỷ giá	299.969.411	429.877.712
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	134.624.702	15.959.453
Cộng	14.119.652.283	8.685.909.643

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.500.076.256	3.210.893.496
Chi phí phát hành bảo lãnh thanh toán trái phiếu	108.500.000	1.975.541.667
Chi phí khấu hao TSCĐ	549.836.749	555.829.802
Chi phí dự phòng	(14.622.718)	(16.709.738)
Chi phí bằng tiền khác	4.754.907.347	4.425.717.011
Cộng	9.898.697.634	10.151.272.238

4.22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.437.909.084	184.458.393.448
Chi phí nhân công	24.441.719.770	22.452.509.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.810.820.361	4.109.070.656
Chi phí khác bằng tiền	10.902.809.699	12.718.612.184
Cộng	274.593.258.914	223.738.585.554

4.23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	81.425.097	181.899.604
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	15.580.000	462.557.742
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	97.005.097	644.457.346

4.24. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	281.191.850.810	308.716.505.039
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	80.000.000.000
Cộng	281.191.850.810	308.716.505.039

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.25. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	343.380.725.663	191.233.422.733
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	80.000.000.000	-
Cộng	423.380.725.663	191.233.422.733

4.26. Thông tin về các bên có liên quan

Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành | Công ty con |
| 2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành		
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 4.3	9.109.335	3.467.368
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4	25.986.068.185	19.103.272.164
Phải trả người bán – Xem thêm mục 4.9	(10.438.488.832)	(5.854.182.646)
	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tạm ứng:		
Ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị	887.980.024	887.980.024
Ông Trần Công Thành – Tổng Giám đốc	126.554.550	147.338.950
Cộng – Xem thêm mục 4.5	1.014.534.574	1.035.318.974

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành		
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 4.17	10.832.399.540	11.016.972.754
Mua dịch vụ	2.403.319.528	2.385.641.644

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã dùng Sổ tiết kiệm của mình số 478600 ngày 15 tháng 01 năm 2015 và số 502805 ngày 10 tháng 06 năm 2015 với mệnh giá lần lượt là 90.000 USD (tương đương 2.043.000.000 VND) và 2.500.000.000 VND để bảo đảm một phần cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Việt – CN Hải Phòng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 60 tỷ VND – Xem thêm mục 4.13.

Ngoài ra, ông Nguyễn Xuân Giang cũng đã dùng Sổ tiết kiệm số 230940469 kỳ hạn 1 tháng với số tiền 86.700 USD để đảm bảo một phần cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – CN Duyên Hải với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 15 tỷ VND – Xem thêm mục 4.13.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	1.041.640.654	733.333.336

4.27. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	8.888.889	13.333.333

4.28. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2018

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

